

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2026

Số: NN1N-04/DBQG

**BẢN TIN DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC THỜI HẠN NĂM
KHU VỰC BẮC BỘ, TRUNG BỘ VÀ NAM BỘ
(Từ tháng 10/2026 đến tháng 09/2027)**

1. Lưu vực sông Hồng

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 1500-2400mm, có nơi cao hơn; đặc biệt tại Láng (Hà Nội) 2545mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Thao: Tháng 10/2025 đã xảy ra 01 đợt lũ đặc biệt lớn với đỉnh lũ lớn nhất tại trạm Yên Bái là 34,39m (lúc 11h/30/09) trên BĐ3 2,39m. Trong tháng 11/2025 đã xuất hiện 01 đợt lũ và 02 đợt dao động với biên độ nước lên từ 1-3m. Từ tháng 12/2025-3/2026, dòng chảy biến đổi chậm theo xu thế giảm. Từ tháng 4 đến tháng 6 năm 2026 dòng chảy biến đổi chậm theo xu thế tăng dần. Trong tháng 5, xuất hiện 3 đợt dao động nhỏ với biên độ nước lên từ 1-1,9m. Trong tháng 6, xuất hiện 01 đợt lũ với biên độ nước lên từ 1,5-3m trong thời kỳ đầu và 01 đợt dao động với biên độ 0,5-1m. Tháng 7/2026, xuất hiện 03 đợt lũ trong thời kỳ đầu và cuối tháng; 02 đợt dao động nhỏ trong thời kỳ giữa tháng. Trong tháng 8, thời kỳ đầu đã xảy ra 01 trận lũ với đỉnh lũ tại trạm Yên Bái trên BĐ1, sau đó mực nước biến đổi chậm. Trong thời kỳ từ ngày 15-21/9, trên sông Thao đã xuất hiện 01 đợt lũ với biên độ lũ lên từ 1,5-3,3m, thời kỳ còn lại tháng 9 mực nước có xu thế biến đổi chậm. Trong 12 tháng qua, tổng lượng dòng chảy trên sông Thao tại trạm Yên Bái thấp hơn TBNN cùng kỳ 55%. + Trên sông Đà: Trong đầu tháng 10/2025, trên sông Đà xuất hiện 1 trận lũ với lưu lượng đỉnh lũ đến hồ Hòa Bình đạt mức 7082m ³ /s (22h/6/10), dưới BĐ1 918m ³ /s; từ giữa tháng 10/2025-05/2026, dòng chảy đến hồ Hòa Bình phổ biến dao động theo điều tiết phát điện của thủy điện Sơn La. Từ tháng 06-09/2026, trên sông Đà xuất hiện 4 đợt lũ nhỏ, lưu lượng đỉnh lũ cao nhất đến hồ Hòa Bình đạt mức 5393m ³ /s (lúc 14h/17/7), dưới BĐ1 2607m ³ /s. Tổng lượng dòng chảy đến hồ Hòa Bình trong 12 tháng qua ở mức tương đương TBNN. + Trên sông Lô: Trong nửa đầu tháng 10/2025, mực nước trên sông Lô tại Tuyên Quang đã xuất hiện 01 đợt lũ với đỉnh lũ đạt 26,34m (lúc 4h/02/10) trên BĐ3 0,34m dưới mức lũ lịch sử 5,03m. Từ cuối tháng 10 đến tháng 2 năm 2026, dòng chảy trên sông Lô dao động và chịu ảnh hưởng của điều tiết thủy điện tuyến trên. Thời kỳ này có 2 đợt các hồ chứa thủy điện Tuyên Quang điều tiết tăng xả lấy nước đổ ải cho vụ

Đông Xuân năm 2025-2026 trong 02 đợt: từ ngày 16-20/1/2026 và từ ngày 29/1-4/2/2026 nên lượng dòng chảy trên sông Lô xuất hiện 02 đợt dao động. Tháng 3/2026, dòng chảy trên sông Lô dao động và chịu ảnh hưởng của điều tiết thủy điện tuyến trên. Từ tháng 4 đến tháng 6 năm 2026 dòng chảy biến đổi theo xu thế tăng dần. Tháng 7 đến nửa đầu tháng 8/2026 dòng chảy trên sông Lô dao động ở mức cao. Từ nửa cuối tháng 8 đến tháng 9 dòng chảy trên sông dao động theo điều tiết thủy điện tuyến trên với xu thế giảm dần. Trong 12 tháng qua, tổng lượng dòng chảy trên sông Lô tại trạm Tuyên Quang thấp hơn TBNN cùng kỳ 51%.

+ Trên sông Hồng: Từ ngày 28/9-2/10 trên sông Hồng đã xảy ra 1 trận lũ, đỉnh lũ tại trạm Hà Nội đạt đỉnh 9,56m (22h/01/10) trên BĐ1 là 0,06m, trong đợt lũ này hồ Hòa Bình mở 2 cửa xả đáy, hồ Tuyên Quang mở 08 cửa xả đáy, hồ Thác Bà mở 03 cửa xả mặt. Trong thời kỳ mùa cạn (từ tháng 11/2025-05/2026) mực nước hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội biến đổi theo xu thế giảm dần, chịu ảnh hưởng điều tiết phát điện của thủy điện tuyến trên và chế độ thủy triều. Trong thời kỳ mùa cạn có 2 đợt các hồ chứa thủy điện lớn (Hòa Bình, Tuyên Quang, Thác Bà) điều tiết tăng xả lấy nước đổ ải cho vụ Đông Xuân năm 2025-2026 (đợt 1: từ 16-20/1/2026; đợt 2: từ 29/1-4/2/2026) nên trong thời kỳ này dòng chảy trên sông Hồng tại trạm Hà Nội biến đổi theo xu thế tăng, sau đó giảm dần. Từ tháng 6 đến tháng 09/2026 là thời kỳ mùa lũ chính vụ, trong thời kỳ này xảy ra 3 đợt lũ nhỏ và 3 dao động tăng. Đỉnh lũ lớn nhất năm 2026 tính đến hết ngày 15/10/2026 đạt 5,56m (23h/8/8). Trong tháng 9 cũng xảy ra giá trị thấp nhất cùng kỳ 0,88m (1h/29/9). Trong 12 tháng qua, tổng lượng dòng chảy trên sông Hồng tại trạm Hà Nội cao hơn TBNN cùng kỳ 21%.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: Phổ biến 1100-1800mm, có nơi cao hơn.

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên sông Thao: Từ tháng 10-12/2026 mực nước sẽ biến đổi theo xu thế xuống dần. Từ tháng 01-04/2027 mực nước tiếp tục biến đổi chậm; từ tháng 5 đến tháng 6 năm 2027 dòng chảy sông Thao sẽ tăng dần và có khả năng xuất hiện 2-3 đợt dao động. Sang đến thời kỳ lũ chính vụ (từ tháng 07-09/2027) có khả năng xuất hiện 3-4 đợt lũ với mực nước đỉnh lũ đạt mức BĐ2-BĐ3. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thao tại trạm Yên Bái 12 tháng tới có khả năng ở mức thấp hơn TBNN khoảng 51%.

+ Trên sông Đà: Từ nửa cuối tháng 10/2026 đến tháng 05/2027, dòng chảy đến hồ Hòa Bình phổ biến dao động theo điều tiết phát điện của thủy điện Sơn La; từ tháng 06-09/2027, sông Đà có khả năng xuất hiện từ 3-4 đợt lũ. Tổng lượng dòng chảy đến hồ Hòa Bình 12 tháng tới có khả năng ở mức thấp hơn TBNN khoảng 15-20%.

+ Trên sông Lô: Từ tháng 10/2026 đến đầu tháng 12/2026 mực nước biến đổi chậm theo xu thế xuống dần. Từ tháng 01 đến tháng 04/2027, mực nước trên sông Lô dao động theo điều tiết của thủy điện tuyến trên. Trong thời kỳ này, sẽ có các đợt hồ chứa thủy điện Tuyên Quang điều tiết tăng xả lấy nước đổ ải cho vụ Đông Xuân năm

2026-2027 nên mực nước hạ lưu sông Lô sẽ có dao động tăng. Từ tháng 05 đến tháng 06 năm 2027, dòng chảy trên sông Lô sẽ tăng dần và có khả năng xuất hiện 1-2 đợt dao động. Sang thời kỳ mùa lũ chính vụ từ tháng 07 đến tháng 09/2027 có khả năng xuất hiện 2-3 đợt lũ với mức đỉnh lũ đạt mức BĐ1-BĐ2. Tổng lượng dòng chảy sông Lô tại Tuyên Quang 12 tháng tới thấp hơn TBNN 45%.

+ Trên sông Hồng: Từ 15/10/2026 đến tháng 05/2027 mực nước hạ lưu sông Hồng biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng điều tiết của thủy điện tuyến trên. Thời kỳ này các hồ chứa thủy điện lớn (Hòa Bình, Tuyên Quang, Thác Bà) sẽ có các đợt điều tiết tăng xả lấy nước đổ ải cho vụ Đông Xuân năm 2026-2027 nên mực nước hạ lưu sông Hồng sẽ có dao động tăng. Từ tháng 06-09/2027, mực nước hạ lưu sông Hồng tại Hà Nội sẽ dao động theo xu thế tăng dần, trong thời kỳ có khả năng xuất hiện từ 3-5 đợt lũ. Tổng lượng dòng chảy trên sông Hồng tại trạm Hà Nội dự báo cao hơn TBNN cùng kỳ 17%.

2. Lưu vực sông Thái Bình

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa: Phổ biến 1500-2200mm; có nơi cao hơn.

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Đầu tháng 10/2025, xuất hiện 01 đợt lũ lớn và lũ lịch sử trên diện rộng. Đỉnh lũ trên sông Cầu, sông Thương, sông Lục Nam, sông Thái Bình vượt BĐ3; trong đó trạm Cầu Gia Bảy đạt 29,90m (03h ngày 08/10/2025) cao hơn lịch sử 1,09m, trạm Cầu Sơn đạt 18,37m (02h ngày 09/10/2025) cao hơn lịch sử 0,95m. Từ cuối tháng 10/2025 đến tháng 04/2026, mực nước các sông biến đổi chậm và dao động theo thủy triều.

+ Tháng 05-08/2026, trên hệ thống sông đã xuất hiện một số đợt lũ và dao động. Tháng 5, thượng và trung lưu sông Thương xuất hiện 01 đợt lũ (21-22/5), đỉnh lũ tại trạm Phũ Lạng Thương là 4,04m (11h/22/05, dưới BĐ1 0,26m). Tháng 6 (25-29/6), xuất hiện 2 đợt lũ ở thượng lưu, đỉnh lũ tại Hữu Lũng (sông Trung) đạt 17,52m (18h/28/6, trên BĐ1 0,52m), tại Cầu Sơn (sông Thương) đạt 14,72m (19h/28/6, trên BĐ1 0,72m). Trong tháng 07, xuất hiện 2 đợt lũ tại các trạm thượng lưu, đỉnh lũ tại Hữu Lũng (sông Trung) đạt 17,23m (trên BĐ1 0,23m); tại Cầu Sơn (sông Thương) đạt 14,86m (dưới BĐ2 0,14m). Tháng 08 (từ ngày 21-26/08), do ảnh hưởng bão số 4 (NARRA), xuất hiện 01 đợt lũ lớn trên hệ thống sông Thái Bình với biên độ lũ lên từ 3-11m; đỉnh lũ nhiều trạm vượt BĐ3 (Sông Lục Nam đỉnh lũ 7,30m, trên BĐ3 1,0m; Sông Thương tại Phũ Lạng Thương 7,07m, trên BĐ3 0,77m; Sông Cầu tại Đáp Cầu 5,90m, trên BĐ2 0,6m; Sông Thái Bình tại Phả Lại dưới BĐ1).

+ Trong tháng 09/2026, mực nước trên các sông biến đổi chậm, hạ lưu dao động theo triều.

Tình hình dòng chảy trên các sông lưu vực thuộc hệ thống sông Thái Bình trong 12 tháng qua cụ thể như sau: Tổng lượng dòng chảy trên sông Cầu tại trạm Gia

Bảy ở mức cao hơn TBNN 181%, trên sông Lục Nam tại trạm Chũ thấp hơn 52%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 1100-1800mm, có nơi cao hơn.
- Tổng lượng dòng chảy: + Từ tháng 10/2026 đến tháng 04/2027, mực nước các trạm ở thượng lưu và trung lưu các sông thuộc hệ thống sông Thái Bình phổ biến biến đổi chậm, mực nước tại các trạm chính ở hạ lưu các sông dao động theo triều. + Từ tháng 05-09/2027, trên các sông có khả năng xuất hiện 02-04 đợt lũ. + Tổng lượng dòng chảy từ tháng 10/2026 đến tháng 9/2027 trên sông Cầu tại trạm Gia Bảy có khả năng cao hơn mức TBNN 19%; trên sông Lục Nam tại trạm Chũ có khả năng thấp hơn mức TBNN 41%.

3. Các lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Phía Bắc phổ biến từ 1500-2200mm, có nơi cao hơn; Phía Nam từ 2500-4500mm, có nơi cao hơn, như tại Nam Đông 5871mm.
- Tổng lượng dòng chảy: - <i>Các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh:</i> Từ tháng 10 đến tháng 12/2025, mực nước trên phần lớn các sông biến đổi chậm theo xu thế xuống, trung lưu dao động theo điều tiết hồ chứa, hạ lưu dao động theo triều; riêng trong tháng 11/2025, trên sông Ngàn Sâu, Ngàn Phố xuất hiện 3 đợt lũ vừa nhỏ, mực nước đỉnh lũ lớn nhất trong tháng 11 trên sông Ngàn Sâu ở mức BĐ1-BĐ2 và trên BĐ2. Tổng lượng dòng chảy trên các sông ở Thanh Hóa phổ biến cao hơn TBNN cùng kỳ từ 29-88%, các sông ở Nghệ An xấp xỉ TBNN, các sông ở Hà Tĩnh: sông Ngàn Sâu thấp hơn 18% trong tháng 10 và cao hơn từ 16-108% trong tháng 11-12%; sông Ngàn Phố thấp hơn khoảng từ 50-62% trong tháng 10 và 12 và cao hơn trong tháng 11. Trong tháng 01-04/2026, mực nước thượng lưu các sông biến đổi chậm, trung lưu dao động theo điều tiết hồ chứa, hạ lưu dao động theo triều. Lưu lượng dòng chảy trên các sông giảm dần. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại trạm Cẩm Thủy cao TBNN cùng kỳ từ 10-35%, sông Cả tại trạm Yên Thượng cao hơn từ 11-33%, sông Ngàn Sâu tại trạm Hòa Duyệt cao hơn từ 5-40%, sông Ngàn Phố tại trạm Sơn Diệm thấp hơn từ 61-87% Trong tháng 05-06/2026, lưu lượng dòng trên các sông giảm dần. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại trạm Cẩm Thủy cao hơn 18% trong tháng 05 và thấp hơn 31% trong tháng 06, sông Cả tại trạm Yên Thượng thấp hơn từ 18-50%, sông Ngàn Sâu tại Hòa Duyệt thấp hơn từ 5-50%, sông Ngàn Phố tại trạm Sơn Diệm thấp hơn từ 76-98%. Trong tháng 07-09/2026, trên các sông ở Thanh Hóa, Nghệ An và Hà Tĩnh xuất hiện 3 đợt lũ, mực nước đỉnh lũ trên thượng lưu các sông ở mức BĐ2-BĐ3, có nơi trên BĐ3; hạ lưu còn dưới mức BĐ1, riêng hạ lưu sông Mã trên mức BĐ1. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại trạm Cẩm Thủy thấp hơn TBNN 11% trong tháng 07 và cao hơn

30-35% trong tháng 08-09; trên sông Cả tại trạm Yên Thượng thấp hơn từ 29-59%; trên sông Ngàn Sâu tại trạm Hòa Duyệt thấp hơn từ 13-42% trong tháng 07-08 và cao hơn 5% trong tháng 09, trên sông Ngàn Phố tại trạm Sơn Diệm thấp hơn từ 21-89%.

+ Các sông từ Quảng Trị đến Tp. Huế:

Tháng 10-12/2025, trên các sông đã xuất hiện 3-4 đợt lũ, các đợt lũ nhỏ và vừa xảy ra từ ngày 21-25/10; các đợt lũ lớn và đặc biệt lớn từ ngày 26-31/10, ngày 01-05/11 và ngày 16-20/11. Đợt lũ từ ngày 26-31/10 và từ ngày 01-05/11, trên sông Bồ và sông Hương (TP Huế) xuất hiện lũ đặc biệt lớn, đỉnh lũ trên sông Bồ tại trạm Phú Ốc 5,31m (13h/03/11), trên BĐ3 0,81m, vượt lũ lịch sử năm 2020 (5,24m), trên sông Hương tại trạm Kim Long 5,05m (20h/27/10), trên BĐ3 1,55m, các sông khác ở mức BĐ2-BĐ3 và trên mức BĐ3. Tổng lượng dòng chảy trên các sông cao hơn TBNN cùng kỳ từ 31-99%.

Tháng 01-08/2026, dòng chảy trên các sông ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên các sông ở mức thấp hơn so với TBNN cùng kỳ từ 14-77%, riêng trạm Thượng Nhật trên sông Tả Trạch cao hơn 200%.

Trong tháng 09/2026, trên các sông xuất hiện 01-02 đợt lũ, đỉnh lũ trên các sông phổ biến từ BĐ1-BĐ2, có nơi trên BĐ2; riêng sông Thạch Hãn ở trên mức BĐ3. Tổng lượng dòng chảy trên các sông ở mức cao hơn so với TBNN cùng kỳ 4-101%.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: phía bắc từ 1000-2000mm; phía nam 1500-3000mm, có nơi cao hơn.

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh:

Từ tháng 10-12/2026, các sông ở Hà Tĩnh khả năng xuất hiện 1-2 đợt lũ nhỏ, các sông ở Thanh Hóa, Nghệ An biến đổi chậm theo xu thế xuống dần. Tổng lượng dòng chảy các tháng từ 10-12/2026, trên các sông ở Thanh Hóa ở mức xấp xỉ TBNN cùng kỳ trong tháng 10-11 và cao hơn 10% trong tháng 12; các sông ở Nghệ An thấp hơn từ 37-55%; các sông ở Hà Tĩnh: Sông Ngàn Sâu thấp hơn từ 24-36%; Sông Ngàn Phố thấp hơn 44-65%.

Từ tháng 01-06/2027: Lưu lượng dòng chảy trên các sông giảm dần từ tháng 01-04/2027 và tăng trở lại trong các tháng 05-06/2027. Tổng lượng dòng chảy trên các sông ở Thanh Hóa thấp hơn TBNN cùng kỳ từ 5-34%; các sông ở Nghệ An thấp hơn từ 19-53%; các sông ở Hà Tĩnh: sông Ngàn Sâu thấp hơn từ 10-35%, sông Ngàn Phố thấp hơn từ 62- 90%.

Từ tháng 07-09/2027: Trên các sông ở Thanh Hóa, Nghệ An và Hà Tĩnh có khả năng xuất hiện 2-3 đợt lũ và một số đợt dao động, lưu lượng dòng chảy trên các sông tăng dần. Tổng lượng dòng chảy trên các sông ở Thanh Hóa thấp hơn TBNN 13% trong tháng 07, ở mức xấp xỉ và cao hơn khoảng 20% trong tháng 08-09; các sông ở Nghệ An thấp hơn từ 30-60%; các sông ở Hà Tĩnh: trên sông Ngàn Sâu thấp hơn từ 23-40%; trên sông Ngàn Phố thấp hơn từ 33-88%.

+ Các sông từ Quảng Trị đến TP. Huế:

Tháng 10-12/2026, trên các sông có khả năng xuất hiện 4-5 đợt lũ và dao động.

Lưu lượng dòng chảy có khả năng tăng. Từ tháng 01-07/2027, dòng chảy trên các sông giảm dần. Tháng 08-09/2027, trên các sông có khả năng xuất hiện 01-02 đợt lũ và dao động.

Tổng lượng dòng chảy năm thấp hơn TBNN cùng kỳ từ 9-22%, riêng sông Tả Trạch tại trạm Thượng Nhật cao hơn 54%.

4. Các lưu vực sông thuộc khu vực Nam Trung Bộ

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa: Phía Bắc từ 1500-3000mm, riêng phía bắc có nơi cao hơn, đặc biệt tại Trà My 6645mm.

- Tổng lượng dòng chảy:

+ *Các sông từ TP. Đà Nẵng đến Quảng Ngãi:*

Tháng 10-12/2025, trên các sông đã xuất hiện 3-4 đợt lũ, các đợt lũ nhỏ và vừa xảy ra từ ngày 06-08/11 và từ ngày 03-06/12; các đợt lũ lớn và đặc biệt lớn từ ngày 26-31/10, từ ngày 01-05/11. Đợt lũ từ ngày 26-31/10, trên sông Vu Gia-Thu Bồn (TP. Đà Nẵng) xuất hiện lũ đặc biệt lớn, đỉnh lũ trên sông Vu Gia tại trạm Ái Nghĩa 10,60m (19h/29/10), trên BĐ3 1,60m, trên sông Thu Bồn tại trạm Cầu Lâu 5,62m (02h/30/10), trên BĐ3 1,62m, vượt lũ lịch sử năm 1964 (5,48m), đỉnh lũ sông Trà Khúc tại trạm Trà Khúc và sông Vệ tại trạm Sông Vệ (Quảng Ngãi) cao hơn BĐ3 từ 0,38-1,37m. Tổng lượng dòng chảy từ 10-12/2025 ở mức cao hơn TBNN cùng kỳ từ 19-43%, riêng sông Vệ (Quảng Ngãi) tại trạm An Chỉ thấp hơn khoảng 76%. Tháng 01-09/2026, dòng chảy trên các sông cao hơn từ 57-70% so với TBNN cùng kỳ, riêng trạm Thành Mỹ trên sông Vu Gia và trạm An Chỉ trên sông Vệ thấp hơn 60-62%.

+ *Các sông từ Gia Lai đến Khánh Hòa:*

Từ tháng 10 đến tháng 12/2025, trên các sông thuộc lưu vực đã xuất hiện các đợt lũ lớn và đặc biệt lớn. Mức nước đỉnh lũ trên sông Lũy (Lâm Đồng), sông Kỳ Lô (Đắk Lắk), sông Dinh Ninh Hòa (Khánh Hòa), sông Ba (Đắk Lắk) và sông Cam Ly (Lâm Đồng) đều trên mức lũ lịch sử, các sông khác ở mức BĐ2-BĐ3. Lưu lượng dòng chảy trên các sông tăng cao trong thời kỳ này. Từ tháng 01 đến tháng 09/2026, lưu lượng dòng chảy trên các sông biến đổi chậm và có xuất hiện dao động nhỏ.

Tổng lượng trên sông Ba tại Củng Sơn cao hơn 14%, sông Cái Nha Trang cao hơn 14% so với TBNN.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: Phía Bắc 1200-2500mm, có nơi trên 3000mm; phía Nam 700-1500mm.

- Tổng lượng dòng chảy:

+ *Các sông từ TP. Đà Nẵng đến Quảng Ngãi:*

Tháng 10-12/2026, trên các sông có khả năng xuất hiện 3-4 đợt lũ và dao động. Lưu lượng dòng chảy có khả năng tăng. Từ tháng 01-07/2027, dòng chảy trên các sông giảm dần và ít biến đổi. Tháng 08-09/2027, dòng chảy trên các sông có xu

hướng tăng dần.

Tổng lượng dòng chảy năm trên các sông ở mức thấp hơn TBNN cùng kỳ từ 9-59%.

+ *Các sông từ Gia Lai đến Khánh Hòa:*

Từ tháng 11-12/2026, trên các sông ở trong khu vực có khả năng xuất hiện từ 2-4 đợt lũ, tổng lượng dòng chảy tăng. Từ tháng 01-03/2027 dòng chảy trên các sông có xu thế giảm dần. Từ tháng 04 đến tháng 09/2027 lưu lượng dòng chảy trên các sông biến đổi chậm và sẽ xuất hiện dao động trong nửa cuối tháng 09.

Tổng lượng dòng chảy, trên sông Ba tại Củng Sơn thấp hơn 38% và sông Cái Nha Trang tại Đồng Trăng thấp hơn 19% so với TBNN.

5. Lưu vực sông Mê Công

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 1500-2200mm.

- Tổng lượng dòng chảy:

+ *Sông Sê San, Srepôk:*

Trong các tháng mùa lũ từ tháng 10-12/2025, trên các sông thuộc lưu vực Sê San và Srêpôk đã xuất hiện 2-3 đợt lũ vừa và lớn, biên độ trong các trận lũ lớn từ 3,34-7,63m; đỉnh lũ trên các sông ở mức BĐ2-BĐ3, có sông trên BĐ3. Tổng lượng dòng chảy trên các sông phổ biến ở mức tương đương và cao hơn TBNN cùng kỳ từ 26-81%, riêng hạ lưu sông Đăkbla thuộc lưu vực sông Sê San tổng lượng dòng chảy thấp hơn so với TBNN cùng kỳ khoảng 71%.

Từ tháng 01-03/2026, lưu lượng dòng chảy các sông trên khu vực biến đổi theo xu thế giảm dần. Tổng lượng dòng chảy trên lưu vực sông Sê San ở mức xấp xỉ và thấp hơn TBNN cùng kỳ từ 45-60%, các sông lưu vực Srêpôk phổ biến cao hơn TBNN từ 9-16%; riêng sông Krông Búk, Ea Krông tổng lượng dòng chảy cao hơn TBNN từ 108-125%.

Từ tháng 04-06/2026, lưu lượng dòng chảy trên các sông ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy phổ biến thấp hơn TBNN cùng kỳ từ 20-76%; riêng sông Krông Búk, Ea Krông tổng lượng dòng chảy cao hơn TBNN từ 47-69%.

Từ tháng 07-09/2026, lưu lượng dòng chảy trên các sông biến đổi theo xu thế tăng dần. Tổng lượng dòng chảy các sông phổ biến ở mức thấp hơn TBNN cùng kỳ từ 12-82%; riêng sông Đăk Nông cao hơn TBNN cùng kỳ 117% do ảnh hưởng của hồ chứa thủy điện.

+ *Sông Cửu Long:*

Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long từ cuối tháng 10 có xu thế giảm dần. Tổng lượng dòng chảy từ tháng 10 đến tháng 12/2025 về đầu nguồn sông Cửu Long ở mức cao hơn TBNN từ 30-45%, từ tháng 01 đến tháng 03/2026 cao hơn TBNN từ 30-40%, từ tháng 04 đến tháng 05/2026 cao hơn TBNN từ 15-20%. Từ cuối tháng 05, tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long có xu thế tăng dần. Tổng lượng dòng chảy từ tháng 06 đến tháng 07/2026 thấp hơn TBNN 5-15%, từ tháng 08 đến tháng 09/2026 cao hơn TBNN từ 15-25%.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 900-1800mm, có nơi cao hơn.

- Tổng lượng dòng chảy:

+ *Sông Sê San, Srepok:*

Từ tháng 10-12/2026, trên các sông có khả năng xuất hiện 1-2 trận lũ nhỏ. Tổng lượng dòng chảy trên các sông phổ biến thấp hơn TBNN cùng kỳ từ 18-75%; riêng sông Đăk Nông và sông Cam Ly lưu lượng dòng chảy cao hơn từ 27-121% so với TBNN.

Từ tháng 01-03/2027 dòng chảy trên các sông biến đổi theo xu thế giảm dần. Tổng lượng dòng chảy trên các sông phổ biến thấp hơn TBNN cùng kỳ từ 11-70%; một số sông do ảnh hưởng của hồ chứa nên ở mức cao hơn nhiều như Krông Búk, Ea Krông và Đăk Nông.

Từ tháng 04-06/2027, lưu lượng dòng chảy trên các sông biến đổi theo xu thế tăng dần. Tổng lượng dòng chảy trên các sông ở mức thấp hơn TBNN cùng kỳ từ 28-72%, riêng sông Krông Búk, Ea Krông cao hơn từ 60-70% so với TBNN, sông Đăk Nông cao hơn trên 200%.

Từ tháng 07-09/2027, trên các lưu vực sông có khả năng xuất hiện 1-2 đợt lũ nhỏ; lưu lượng dòng chảy tăng cao hơn. Tổng lượng dòng chảy trên các sông ở mức xấp xỉ đến thấp hơn TBNN cùng kỳ từ 20-70%, riêng sông Đăk Nông cao hơn 90%.

Tổng lượng dòng chảy năm trên sông Đăk Bla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 75%, trên sông Srêpôk tại trạm Giang Sơn thấp hơn TBNN cùng kỳ 27%.

+ *Sông Cửu Long:*

Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long từ cuối tháng 10 có xu thế giảm dần. Tổng lượng dòng chảy từ tháng 10/2026 đến tháng 12/2026 ở mức tương đương TBNN; từ tháng 01 đến tháng 04/2027 ở mức thấp hơn TBNN từ 10-20%. Từ tháng 05/2027, tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long có xu thế tăng dần; từ tháng 05 đến tháng 06/2027 thấp hơn TBNN từ 10-25%, tháng 07, 08/2027 tương đương TBNN, tháng 09, 10/2027 cao hơn TBNN từ 5-15%.

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: ngày 15/01/2027

Tin phát lúc: 15h00'

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**



Phùng Tiến Dũng

Phụ lục

Phụ lục 1: Bảng trị số tổng lượng nước thực đo và dự báo các trạm

Bảng 1.1: Tổng lượng mưa dự báo từ tháng 10/2026 đến tháng 09/2027

Lưu vực	Trạm	Thực đo trong 1 năm qua (mm)	So sánh với TBNN (%)	Dự báo trong 1 năm tới (mm)	So sánh với TBNN (%)
Lưu vực sông Hồng	Tam Đường	1886	<22	2200-2800	xấp xỉ
	Sơn La	1351	<3	900-1500	xấp xỉ
	Hòa Bình	2235	>23	1300-1900	xấp xỉ
	Lào Cai	1804	>4	1300-1900	>10-20
	Yên Bái	2053	>12	1500-2000	>5-15
	Tuyên Quang	2373	>48	1200-1800	>5-10
	Hà Giang	2189	<8	2000-2500	xấp xỉ
	Láng	2545	>54	1200-1800	xấp xỉ
	Thái Bình	1846	>19	1100-1600	xấp xỉ
	Nam Định	1687	>4	1100-1600	xấp xỉ
Lưu vực sông Thái Bình	Bắc Cạn	1842	>27	1100-1600	xấp xỉ
	Thái Nguyên	2213	>21	1500-2000	>5-10
	Bắc Ninh	1908	>19	1200-1800	xấp xỉ
	Lạng Sơn	1528	>19	1000-1500	>10-20
	Bắc Giang	1666	>12	1100-1600	xấp xỉ
	Hải Dương	2016	>35	1100-1600	xấp xỉ
Lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ	Hồi Xuân	2016	>17	1200-1800	xấp xỉ
	Bái Thượng	2084	>11	1300-1900	<5-10
	Thanh Hóa	2098	>29	1200-1800	<5-15
	Quỳ Châu	2241	>36	1200-1800	xấp xỉ
	Cửa Rào	1563	>22	1000-1500	<5-10
	Đô Lương	1938	>8	1200-1800	<5-10
	Vinh	2883	>43	1500-2000	<5-15
	Hương Sơn	2485	>18	1500-2000	<5-15
	Hương Khê	2858	>19	1600-2200	<10-20
	Hà Tĩnh	3421	>29	1600-2200	<5-15
	Đồng Hới	2958	>41	1000-1500	<15-30
	Quảng Trị	2699	>12	1400-1900	<15-30
	Nam Đông	5871	>51	2200-3000	<20-40
	Huế	4163	>32	2000-2700	<20-40
Lưu vực sông	Đà Nẵng	2837	>18	1100-1900	<20-40

Lưu vực	Trạm	Thực đo trong 1 năm qua (mm)	So sánh với TBNN (%)	Dự báo trong 1 năm tới (mm)	So sánh với TBNN (%)
thuộc khu vực Nam Trung Bộ	Trà My	6645	>55	2600-3200	<25-50
	Ba Tơ	4049	>5	2000-2600	<25-50
	Quảng Ngãi	3088	>17	1200-1800	<25-50
	Quy Nhơn	2586	>33	800-1300	<25-50
	An Khê	1592	<6	800-1300	<25-50
	Tuy Hòa	2698	>28	800-1300	<30-60
	Nha Trang	1751	>17	700-1200	<30-60
Lưu vực sông Mê Công	Kon Tum	1840	<3	1200-1800	<20-40
	Lắk	2193	>14	1200-1800	<30-60
	Buôn Mê Thuột	1966	>7	1100-1600	<30-60
	Biên Hòa	2076	>9	1500-2000	<30-60
	Cần Thơ	1655	>4	900-1500	<25-50

Bảng 1.2: Tổng lượng nước dự báo từ tháng 10/2026 đến tháng 09/2027

Sông	Trạm	Thực đo (triệu m ³)	So sánh TBNN (%)	Dự báo (triệu m ³)	So sánh TBNN (%)
Đà	Hồ Hòa Bình	55472	>2	45727	<16
Thao	Yên Bái	8136	<55	8830	<51
Lô	Tuyên Quang	11101	<51	12614	<45
Cầu	Gia Bảy	5052	>181	2144	>19
Lục Nam	Chũ	669	<52	820	<41
Hồng	Hà Nội	77137	>21	74110	>17
Mã	Cẩm Thủy	14843	>27%	11350	~TBNN
Cả	Yên Thượng	13797	<14	8812	<45
La	Hòa Duyệt	3864	>11	2483	<29
Tả Trạch	Thượng Nhật	1260	> 133.1	771	> 43
Thu Bồn	Nông Sơn	13567	> 44.0	8591	< 9
Trà Khúc	Sơn Giang	9382	> 41.6	5926	< 11
Ba	Củng Sơn	8830	>14	4800	<38
Cái NT	Đồng Trăng	2090	>14	1480	<19
ĐăkBlá	Kon Tum	767	< 71	679	< 75
Srêpôk	Giang Sơn	2882	> 15	1818	< 27

Sông	Trạm	Thực đo (triệu m ³)	So sánh TBNN (%)	Dự báo (triệu m ³)	So sánh TBNN (%)
Tiền	Tân Châu			280910	<5
Hậu	Châu Đốc			52350	<15

**Phụ lục 2: Bản đồ phân bố hiện trạng nguồn nước
từ tháng 10/2026 đến tháng 9/2027**

